

Bản án số: **127/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày 31/5/2024  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ngô Thanh Ngọc Cảnh;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bảo N**, sinh năm 1997; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

\* Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1992; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo N trình bày như sau:

Chị và anh Lê Văn T tự tìm hiểu và quen biết đi đến kết hôn với nhau vào năm 2016, có tổ chức đám cưới, đến ngày 06/6/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm

2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đầu năm 2020 tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian qua, chị đã cố gắng nhiều lần để hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Lê Đăng K, sinh ngày 04/5/2017. Sau ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

\* Lời khai của bị đơn anh Lê Văn T theo bản tự khai ngày 26/5/2024 như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Bảo N có chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó tính tình không phù hợp nhau, thường xuyên cãi vã, dẫn đến hôn nhân bất hòa và không hàn gắn lại được. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 04/5/2017. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Đồng thời anh có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bảo N với anh Lê Văn T. Về con chung: Giao cháu Lê Đăng K, sinh ngày 04/5/2017 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Chị N chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”; Bị đơn anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo thẩm quyền.

Anh Lê Văn T có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh An Giang ngày 06/6/2017 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, chị N trình bày do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian qua, hai vợ chồng cũng đã có thời gian để hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 tới nay.

Cuộc sống hôn nhân, vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, trở thành một tế bào của xã hội, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 04/5/2017, hiện nay đang sinh sống cùng với bà nội.

Xét thấy, hiện nay cháu K đang sống với bà nội và cháu K cũng có nguyện vọng được sống với bà nội. Đồng thời anh T cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và chị N cũng đồng ý giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu K, để đảm bảo ổn định

cuộc sống cho cháu, giúp cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Anh T phải tạo điều kiện cho chị N được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị N và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bảo N.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bảo N và anh Lê Văn T.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 04/5/2017 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu.

Anh T phải tạo điều kiện cho chị N được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị N và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bảo N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013706 ngày 26 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Anh Lê Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Mỹ Phú Đông;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Lưu VP, HS;

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Thị Vân**